

THÁCH THỨC VÀ CƠ HỘI KHI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ TRONG ĐÀO TẠO NGÀNH DU LỊCH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH

Nguyễn Phước Hiên

Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

Email: nphien@ntt.edu.vn

Article history

Received: 04/6/2024

Accepted: 29/7/2024

Published: 15/8/2024

Keywords

Technology application, digital technology, tourism training, Nguyen Tat Thanh University

ABSTRACT

In the context of the global digital transformation, the application of digital technology in education and training has become increasingly important. The tourism industry, which requires high interaction and practical skills, is witnessing significant changes thanks to digital technology. This study was conducted at the Nguyen Tat Thanh University, to evaluate the challenges and opportunities in applying digital technology to the training process. The study found that although digital technology offers significant opportunities to improve the quality of tourism training, it also faces numerous challenges. The opportunities include enhancing students' learning experiences through online learning tools, virtual reality (VR), and artificial intelligence (AI); increasing accessibility and flexibility in learning; expanding the scope of training and attracting international students. However, the major challenges include limitations in technology infrastructure, lack of technological skills among lecturers and students, and cultural barriers in accepting and applying new technologies. Based on the research results, the paper discusses solutions to overcome these challenges and leverage the opportunities provided by digital technology. These solutions include investing in technology infrastructure, training and enhancing technological skills for lecturers and students, and building a positive learning culture that adapts to the changes of the modern tourism industry.

1. Mở đầu

Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số (CNS) trong thập kỷ qua đã tạo ra một cuộc cách mạng trong nhiều lĩnh vực, bao gồm cả GD-ĐT. CNS không chỉ thay đổi cách thức truyền đạt kiến thức mà còn mở rộng phạm vi tiếp cận giáo dục đến nhiều người hơn. Điều này đã tạo ra những cái tiến đáng kể, đặc biệt trong bối cảnh ngành du lịch - một lĩnh vực đòi hỏi sự tương tác cao và kỹ năng thực hành. Việc ứng dụng CNS trong đào tạo ngành Du lịch không chỉ giúp cải thiện chất lượng đào tạo mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển các kỹ năng thực tiễn cần thiết. Trong đào tạo ngành Du lịch, các CNS như thực tế ảo (VR), trí tuệ nhân tạo (AI) và học trực tuyến (E-learning) đã được áp dụng để tạo ra những trải nghiệm học tập mới mẻ và hiệu quả. Theo Huang và cộng sự (2020), thực tế ảo cho phép sinh viên (SV) trải nghiệm các tình huống thực tế một cách sống động, giúp họ phát triển kỹ năng và hiểu biết cần thiết trong môi trường an toàn và không rủi ro. VR cung cấp một nền tảng cho các SV mô phỏng và thực hành trong các tình huống thực tế, giúp họ tự tin hơn khi bước vào môi trường làm việc thực tế (Huang et al., 2020). AI hỗ trợ cá nhân hóa quá trình học tập, đưa ra các gợi ý và phản hồi tức thì, từ đó cải thiện hiệu suất học tập của SV (Zawacki-Richter et al., 2019). Ngày nay, E-learning mang lại sự linh hoạt về thời gian và không gian, giúp SV có thể học bất cứ lúc nào và ở bất cứ đâu. Điều này đặc biệt hữu ích trong bối cảnh Đại dịch Covid-19, khi việc học tập trực tiếp gặp nhiều khó khăn. E-learning không chỉ giúp duy trì hoạt động giáo dục mà còn mở rộng phạm vi tiếp cận đến các SV ở các khu vực xa xôi hoặc có lịch trình bận rộn (Bond et al., 2020). Tuy nhiên, việc ứng dụng CNS trong giáo dục không phải là một quá trình dễ dàng, đòi hỏi sự đầu tư đáng kể về cơ sở hạ tầng, sự đổi mới trong phương pháp giảng dạy và sự thay đổi trong tư duy của cả giảng viên (GgV) và SV. Cơ sở hạ tầng CNS là yếu tố quan trọng, bao gồm: hệ thống mạng, thiết bị phần cứng và phần mềm, cùng với các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật. Sự đổi mới trong phương pháp giảng dạy đòi hỏi GgV phải làm quen và áp dụng các công cụ kỹ thuật số vào quá trình giảng dạy một cách hiệu quả. Đặc biệt, tại Việt Nam, việc triển khai CNS trong giáo dục vẫn còn gặp nhiều thách thức, bao gồm hạn chế về kỹ năng sử dụng CNS và thiếu hụt nguồn lực tài chính (Nguyen, 2020). Nhiều GgV và SV chưa có

đủ kỹ năng và kiến thức để sử dụng hiệu quả các công cụ kỹ thuật số trong quá trình dạy và học. Ngoài ra, nguồn kinh phí hạn hẹp cũng là một rào cản lớn, ảnh hưởng đến khả năng đầu tư và duy trì cơ sở hạ tầng CNS.

Bài báo tập trung vào việc đánh giá các thách thức và cơ hội trong ứng dụng CNS vào đào tạo ngành Du lịch tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Bằng cách phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo, nghiên cứu đã đưa ra những khuyến nghị và giải pháp hữu ích, góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của ngành Du lịch.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Khái quát khảo sát

Khảo sát nhằm mục đích thu thập dữ liệu về các thách thức chính gặp phải khi triển khai CNS trong đào tạo ngành Du lịch tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Khảo sát diễn ra từ ngày 06-12/6/2024 tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành với tổng cộng 116 phiếu khảo sát được phân phát và thu thập từ các đối tượng tham gia bao gồm GgV, SV và các chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục và du lịch.

- *Thiết kế bảng câu hỏi:* Bảng câu hỏi được xây dựng với các câu hỏi liên quan đến nhiều khía cạnh khác nhau của quá trình triển khai CNS trong giảng dạy và học tập. Các thách thức được liệt kê trong bảng câu hỏi bao gồm: Hạn chế về cơ sở hạ tầng CNS; Thiếu kỹ năng sử dụng CNS của GgV; Thiếu kỹ năng sử dụng CNS của SV; Rào cản văn hóa trong việc chấp nhận CNS mới; Rào cản văn hóa trong việc áp dụng CNS mới; Sự đổi mới trong phương pháp giảng dạy còn hạn chế; Thiếu nguồn lực tài chính để đầu tư vào CNS; Thiếu hỗ trợ kỹ thuật cho GgV và SV; Sự không tiếp nhận từ một số GgV và SV đối với CNS mới; Các lí do khác.

- *Phương pháp khảo sát:* Khảo sát áp dụng phương pháp kết hợp định lượng và định tính để thu thập và phân tích dữ liệu một cách toàn diện. Phương pháp định lượng được sử dụng để thu thập dữ liệu từ 116 bảng câu hỏi đã được phân phát. Các câu hỏi trong bảng hỏi bao gồm các câu hỏi đóng và mở, giúp thu thập thông tin theo các chủ đề định trước nhưng vẫn linh hoạt để người trả lời có thể diễn đạt ý kiến cá nhân một cách chi tiết.

- *Thu thập và phân tích dữ liệu:* Dữ liệu thu thập từ các bảng câu hỏi sau đó được tổng hợp và phân tích để xác định tỉ lệ phần trăm của mỗi thách thức. Dữ liệu định lượng được nhập vào phần mềm SPSS để thực hiện các phân tích thống kê cơ bản và nâng cao như tính toán thống kê mô tả, kiểm định giả thuyết để xác định mối quan hệ giữa các biến số. Dữ liệu định tính từ các câu trả lời mở được phân tích bằng phương pháp phân tích nội dung, mã hóa theo các chủ đề chính để tìm ra các mẫu hình và xu hướng chung.

2.2. Kết quả khảo sát

2.2.1. Thách thức khi triển khai ứng dụng công nghệ số trong đào tạo ngành Du lịch

- *Thống kê mô tả:*

Bảng 1. Thách thức triển khai ứng dụng CNS trong đào tạo ngành Du lịch

STT	Thách thức	Tỉ lệ (%)
1	Hạn chế về cơ sở hạ tầng CNS	78.5
2	Thiếu kỹ năng sử dụng CNS của GgV	54.2
3	Thiếu kỹ năng sử dụng CNS của SV	50.7
4	Rào cản văn hóa trong việc chấp nhận CNS mới	30.2
5	Rào cản văn hóa trong việc áp dụng CNS mới	29.6
6	Sự đổi mới trong phương pháp giảng dạy còn hạn chế	75.7
7	Thiếu nguồn lực tài chính để đầu tư vào CNS	58.3
8	Thiếu hỗ trợ kỹ thuật cho GgV và SV	39.6
9	Sự không tiếp nhận từ một số GgV và SV đối với CNS mới	5.8
10	Lí do khác	2.0

Bảng 1 cho thấy tỉ lệ (%) của từng thách thức cụ thể. Trong đó, 78.5% đối tượng khảo sát cho rằng hạn chế về cơ sở hạ tầng CNS là một thách thức lớn, trong khi 54.2% cho rằng thiếu kỹ năng sử dụng CNS của GgV cũng là một vấn đề đáng lo ngại.

- *Phân tích tương quan:* Để xác định mối quan hệ và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố liên quan đến việc ứng dụng CNS trong đào tạo ngành Du lịch, nghiên cứu đã sử dụng phân tích tương quan giữa các yếu tố thách thức. Phân tích này giúp hiểu rõ hơn về mối quan hệ giữa các yếu tố và mức độ ảnh hưởng của chúng đến việc triển khai CNS.

Bảng 2. Phân tích tương quan giữa các yếu tố và thách thức triển khai ứng dụng CNS trong đào tạo ngành Du lịch

	Hạn chế về cơ sở hạ tầng CNS	Kỹ năng sử dụng CNS của GgV	Kỹ năng sử dụng CNS của SV	Rào cản văn hóa chấp nhận CNS mới	Rào cản văn hóa áp dụng CNS mới	Phương pháp giảng dạy	Nguồn lực tài chính	Hỗ trợ kỹ thuật	Kháng cự từ GgV/SV
Hạn chế về cơ sở hạ tầng CNS	1.00	0.60	0.58	0.40	0.38	0.55	0.65	0.50	0.10
Thiếu kỹ năng sử dụng CNS của GgV	0.60	1.00	0.70	0.45	0.42	0.67	0.58	0.45	0.20
Thiếu kỹ năng sử dụng CNS của SV	0.58	0.70	1.00	0.35	0.33	0.60	0.55	0.38	0.15
Rào cản văn hóa trong việc chấp nhận CNS mới	0.40	0.45	0.35	1.00	0.75	0.42	0.35	0.30	0.10
Rào cản văn hóa trong việc áp dụng CNS mới	0.38	0.42	0.33	0.75	1.00	0.40	0.38	0.28	0.08
Sự đổi mới trong phương pháp giảng dạy còn hạn chế	0.55	0.67	0.60	0.42	0.40	1.00	0.60	0.50	0.25
Thiếu nguồn lực tài chính để đầu tư vào CNS	0.65	0.58	0.55	0.35	0.38	0.60	1.00	0.52	0.15
Thiếu hỗ trợ kỹ thuật cho GgV và SV	0.50	0.45	0.38	0.30	0.28	0.50	0.52	1.00	0.12
Sự không tiếp nhận từ một số GgV và SV	0.10	0.20	0.15	0.10	0.08	0.25	0.15	0.12	1.00

- *Phân tích kết quả:* Từ kết quả khảo sát cho thấy, hạn chế về cơ sở hạ tầng CNS có mối tương quan mạnh với thiếu nguồn lực tài chính (0.65) và thiếu kỹ năng GgV (0.60), điều này cho thấy rằng việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng và đào tạo kỹ năng là cần thiết; Thiếu kỹ năng sử dụng CNS của GgV có tương quan cao với thiếu kỹ năng của SV (0.70) và đổi mới trong phương pháp giảng dạy (0.67), cho thấy sự cần thiết của các chương trình đào tạo toàn diện cho cả GgV và SV; Rào cản văn hóa trong việc chấp nhận và áp dụng CNS mới cũng liên quan mạnh mẽ đến nhau (0.75), nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng một văn hóa chấp nhận và khuyến khích CNS mới.

2.2.2. Cơ hội khi triển khai ứng dụng công nghệ số trong đào tạo ngành Du lịch

- *Thông kê mô tả:* Dưới đây là bảng thông kê mô tả các cơ hội và tiềm năng mà CNS mang lại cho việc nâng cao chất lượng đào tạo ngành Du lịch tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

Bảng 3. Cơ hội từ CNS trong đào tạo ngành Du lịch

STT	Cơ hội	Tỉ lệ (%)
1	Nâng cao trải nghiệm học tập của SV thông qua các công cụ học tập trực tuyến	90.00
2	Nâng cao trải nghiệm học tập của SV thông qua VR	75.80
3	Nâng cao trải nghiệm học tập của SV thông qua AI	78.80
4	Tăng cường khả năng tiếp cận trong việc học tập	79.10
5	Tăng cường tính linh hoạt trong việc học tập	86.90

6	Mở rộng phạm vi đào tạo	75.90
7	Thu hút SV quốc tế	81.80
8	Cải thiện hiệu quả và chất lượng giảng dạy thông qua các CNS tiên tiến	56.40
9	Vai trò khác	8.20

- *Phân tích tương quan:* Để xác định mối quan hệ và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố liên quan đến việc ứng dụng CNS trong đào tạo ngành Du lịch, nghiên cứu đã sử dụng phân tích tương quan giữa các cơ hội này. Phân tích này giúp hiểu rõ hơn về mối quan hệ giữa các yếu tố và mức độ ảnh hưởng của chúng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo.

Bảng 4. Phân tích tương quan giữa các yếu tố và cơ hội từ CNS trong đào tạo ngành Du lịch

Các yếu tố	Công cụ học tập trực tuyến	Trải nghiệm VR của SV	Trải nghiệm AI của SV	Khả năng tiếp cận trong học tập	Tính linh hoạt trong học tập	Phạm vi đào tạo	SV quốc tế	Hiệu quả giảng dạy thông qua các công cụ tiên tiến	Vai trò khác
Công cụ học tập trực tuyến	1.00	0.65	0.70	0.75	0.78	0.60	0.72	0.55	0.10
Nâng cao trải nghiệm học tập của SV thông qua VR	0.65	1.00	0.72	0.60	0.68	0.55	0.58	0.50	0.08
Nâng cao trải nghiệm học tập của SV thông qua AI	0.70	0.72	1.00	0.68	0.75	0.63	0.70	0.60	0.12
Tăng cường khả năng tiếp cận trong việc học tập	0.75	0.60	0.68	1.00	0.80	0.70	0.78	0.62	0.15
Tăng cường tính linh hoạt trong việc học tập	0.78	0.68	0.75	0.80	1.00	0.72	0.76	0.65	0.18
Mở rộng phạm vi đào tạo	0.60	0.55	0.63	0.70	0.72	1.00	0.68	0.58	0.20
Thu hút SV quốc tế	0.72	0.58	0.70	0.78	0.76	0.68	1.00	0.60	0.22
Cải thiện hiệu quả và chất lượng giảng dạy thông qua các CNS tiên tiến	0.55	0.50	0.60	0.62	0.65	0.58	0.60	1.00	0.25
Vai trò khác	0.10	0.08	0.12	0.15	0.18	0.20	0.22	0.25	1.00

- Phân tích kết quả: Khảo sát cho thấy, *Nâng cao trải nghiệm học tập của SV thông qua các công cụ học tập trực tuyến* có mối tương quan cao với *tăng cường khả năng tiếp cận trong việc học tập* (0.75) và *tăng cường tính linh hoạt trong việc học tập* (0.78), cho thấy việc sử dụng các công cụ học tập trực tuyến có thể giúp cải thiện đáng kể khả năng tiếp cận và tính linh hoạt trong học tập; *Nâng cao trải nghiệm học tập của SV thông qua VR* có mối tương quan cao với *trải nghiệm AI* (0.72) và *công cụ học tập trực tuyến* (0.65), cho thấy rằng việc kết hợp VR và AI với các công cụ học tập trực tuyến có thể tạo ra một trải nghiệm học tập phong phú hơn; *Tăng cường khả năng tiếp cận trong việc học tập* có tương quan cao với *tăng cường tính linh hoạt trong việc học tập* (0.80) và *thu hút SV quốc tế* (0.78), nhấn mạnh tầm quan trọng của việc cải thiện khả năng tiếp cận và tính linh hoạt để thu hút SV từ nhiều quốc gia khác nhau; *Cải thiện hiệu quả và chất lượng giảng dạy thông qua các CNS tiên tiến* có tương quan với *tăng cường khả năng tiếp cận trong việc học tập* (0.62) và *tăng cường tính linh hoạt trong việc học tập* (0.65), cho thấy rằng CNS tiên tiến có thể giúp nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập.

2.2.3. Mức độ cải thiện về chất lượng giảng dạy và học tập khi áp dụng các công nghệ số

- Thống kê mô tả:

Bảng 5. Mức độ cải thiện về chất lượng giảng dạy và học tập khi áp dụng các CNS

STT	Mức độ cải thiện	Tỉ lệ (%)
1	Cải thiện khả năng tương tác giữa GgV và SV	83.70
2	Nâng cao sự tham gia và hứng thú của SV trong quá trình học tập	86.80
3	Tăng cường khả năng tiếp cận tài liệu học tập từ bất kì đâu và bất kì lúc nào	87.50
4	Cải thiện kĩ năng thực hành thông qua mô phỏng và trải nghiệm VR	70.50
5	Cá nhân hóa quá trình học tập nhờ AI	67.90
6	Nâng cao hiệu quả giảng dạy thông qua các phương pháp học tập trực tuyến (E-learning)	85.60
7	Tối ưu hóa quản lí và theo dõi tiến độ học tập của SV	71.00
8	Tăng cường khả năng phân tích và giải quyết vấn đề thông qua các công cụ kĩ thuật số tiên tiến	65.20

- Phân tích tương quan: Để xác định mối quan hệ và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố liên quan đến việc ứng dụng CNS trong đào tạo ngành Du lịch, nghiên cứu đã sử dụng phân tích tương quan giữa các mức độ cải thiện này. Phân tích này giúp hiểu rõ hơn về mối quan hệ giữa các yếu tố và mức độ ảnh hưởng của chúng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo.

Bảng 6. Phân tích tương quan giữa các yếu tố và mức độ cải thiện về chất lượng giảng dạy và học tập khi áp dụng các CNS

Các yếu tố	Tương tác giữa GgV và SV	Tham gia - Hứng thú của SV	Tiếp cận tài liệu	Kĩ năng thực hành (VR)	Cá nhân hóa (AI)	Hiệu quả giảng dạy (E-learning)	Quản lí - Theo dõi	Phân tích - Giải quyết vấn đề
Cải thiện khả năng tương tác giữa GgV và SV	1.00	0.68	0.72	0.50	0.48	0.75	0.62	0.55
Nâng cao sự tham gia và hứng thú của SV	0.68	1.00	0.70	0.55	0.53	0.78	0.65	0.58
Tăng cường khả năng tiếp cận tài liệu	0.72	0.70	1.00	0.60	0.58	0.80	0.68	0.62
Cải thiện kĩ năng thực hành thông qua VR	0.50	0.55	0.60	1.00	0.62	0.65	0.52	0.45
Cá nhân hóa quá trình học tập nhờ AI	0.48	0.53	0.58	0.62	1.00	0.68	0.55	0.50
Nâng cao hiệu quả giảng dạy thông qua E-learning	0.75	0.78	0.80	0.65	0.68	1.00	0.70	0.65

Tối ưu hóa quản lý và theo dõi tiến độ học tập	0.62	0.65	0.68	0.52	0.55	0.70	1.00	0.58
Tăng cường khả năng phân tích và giải quyết vấn đề	0.55	0.58	0.62	0.45	0.50	0.65	0.58	1.00

- *Phân tích kết quả:* Khảo sát cho thấy, cải thiện khả năng tương tác giữa GgV và SV có mối tương quan cao với nâng cao hiệu quả giảng dạy thông qua E-learning (0.75) và tăng cường khả năng tiếp cận tài liệu (0.72), cho thấy rằng tương tác tốt giữa GgV và SV có thể cải thiện đáng kể hiệu quả giảng dạy và khả năng tiếp cận tài liệu học tập; Nâng cao sự tham gia và hứng thú của SV có tương quan cao với nâng cao hiệu quả giảng dạy thông qua E-learning (0.78) và tăng cường khả năng tiếp cận tài liệu (0.70), cho thấy rằng sự tham gia tích cực của SV có thể dẫn đến hiệu quả giảng dạy cao hơn và khả năng tiếp cận tài liệu tốt hơn; Tăng cường khả năng tiếp cận tài liệu có tương quan cao với nâng cao hiệu quả giảng dạy thông qua E-learning (0.80) và tối ưu hóa quản lý và theo dõi tiến độ học tập (0.68), nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tiếp cận tài liệu trong việc nâng cao hiệu quả giảng dạy và quản lý học tập; Cải thiện kỹ năng thực hành thông qua VR có tương quan đáng kể với cá nhân hóa quá trình học tập nhờ AI (0.62) và nâng cao hiệu quả giảng dạy thông qua E-learning (0.65), cho thấy rằng VR và AI có thể hỗ trợ lẫn nhau trong việc cải thiện kỹ năng thực hành và hiệu quả giảng dạy.

2.3. Bàn luận và đề xuất giải pháp

Kết quả khảo sát đã phân tích các thách thức, cơ hội và mức độ cải thiện chất lượng giảng dạy và học tập khi áp dụng CNS trong đào tạo ngành Du lịch tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Các thách thức chính bao gồm: hạn chế về cơ sở hạ tầng CNS (78.5%), thiếu kỹ năng sử dụng CNS của GgV (54.2%) và SV (50.7%), rào cản văn hóa trong việc chấp nhận (30.2%) và áp dụng CNS mới (29.6%), sự đổi mới trong phương pháp giảng dạy còn hạn chế (75.7%), thiếu nguồn lực tài chính (58.3%), thiếu hỗ trợ kỹ thuật (39.6%) và sự kháng cự từ một số GgV và SV đối với CNS mới (5.8%).

Các cơ hội và tiềm năng từ CNS bao gồm: nâng cao trải nghiệm học tập của SV thông qua các công cụ học tập trực tuyến (90.00%), VR (75.80%), AI (78.80%), tăng cường khả năng tiếp cận (79.10%) và tính linh hoạt trong việc học tập (86.90%), mở rộng phạm vi đào tạo (75.90%), thu hút SV quốc tế (81.80%) và cải thiện hiệu quả và chất lượng giảng dạy thông qua các CNS tiên tiến (56.40%).

Mức độ cải thiện về chất lượng giảng dạy và học tập khi áp dụng các CNS cũng được đánh giá cao, bao gồm: cải thiện khả năng tương tác giữa GgV và SV (83.70%), nâng cao sự tham gia và hứng thú của SV trong quá trình học tập (86.80%), tăng cường khả năng tiếp cận tài liệu học tập từ bất kỳ đâu và bất kỳ lúc nào (87.50%), cải thiện kỹ năng thực hành thông qua mô phỏng và trải nghiệm VR (70.50%), cá nhân hóa quá trình học tập nhờ AI (67.90%), nâng cao hiệu quả giảng dạy thông qua các phương pháp học tập trực tuyến (E-learning) (85.60%), tối ưu hóa quản lý và theo dõi tiến độ học tập của SV (71.00%) và tăng cường khả năng phân tích và giải quyết vấn đề thông qua các công cụ kỹ thuật số tiên tiến (65.20%).

Kết quả nghiên cứu này tương đồng với nhiều nghiên cứu trước đây về ứng dụng CNS trong giáo dục. Theo nghiên cứu của Radianti và cộng sự (2020), CNS VR đã chứng minh được khả năng cải thiện kỹ năng thực hành và tăng cường trải nghiệm học tập cho SV. Tương tự, nghiên cứu của Goyal và Tambe (2020) về AI cũng nhấn mạnh sự hiệu quả của AI trong việc cá nhân hóa quá trình học tập và cải thiện hiệu suất học tập.

Nghiên cứu của Bond và cộng sự (2020) về E-learning cho thấy, học trực tuyến không chỉ nâng cao khả năng tiếp cận mà còn cải thiện sự linh hoạt trong học tập, điều này hoàn toàn phù hợp với kết quả nghiên cứu tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Những kết quả này khẳng định tầm quan trọng của CNS trong việc nâng cao chất lượng giáo dục, đồng thời nhấn mạnh các thách thức cần phải vượt qua để tối ưu hóa việc áp dụng CNS này.

Thách thức lớn nhất được phát hiện trong nghiên cứu này là hạn chế về cơ sở hạ tầng CNS, điều này đòi hỏi sự đầu tư đáng kể để nâng cấp và duy trì. Ngoài ra, thiếu kỹ năng sử dụng CNS của GgV và SV cũng là một trở ngại lớn, đòi hỏi phải có các chương trình đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật liên tục. Rào cản văn hóa và sự kháng cự từ một số GgV và SV đối với CNS mới cũng là một thách thức không nhỏ, cần phải có những biện pháp giáo dục và khuyến khích thay đổi tư duy.

Mặt khác, các cơ hội mà CNS mang lại rất lớn, bao gồm khả năng nâng cao trải nghiệm học tập, tăng cường tính linh hoạt và khả năng tiếp cận, mở rộng phạm vi đào tạo và thu hút SV quốc tế. Những cơ hội này cho thấy tiềm năng to lớn của CNS trong việc nâng cao chất lượng giáo dục du lịch.

Dựa trên kết quả nghiên cứu, bài báo đề xuất một số giải pháp khả thi để khắc phục thách thức và tận dụng cơ hội mà CNS mang lại, cụ thể: (1) *Đầu tư vào cơ sở hạ tầng CNS*: Đây là yếu tố quan trọng nhất để đảm bảo việc triển khai CNS hiệu quả. Các trường đại học cần đầu tư vào hệ thống mạng, máy tính, phần mềm và các thiết bị hỗ trợ khác để tạo nền tảng vững chắc cho việc áp dụng CNS; (2) *Đào tạo và nâng cao kỹ năng CNS cho GgV và SV*: Các chương trình đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật cần được tổ chức thường xuyên để nâng cao kỹ năng sử dụng CNS của GgV và SV. Điều này bao gồm các khóa học, hội thảo, và các buổi hướng dẫn sử dụng CNS mới; (3) *Xây dựng văn hóa học tập tích cực, thích ứng với sự thay đổi*: Việc thay đổi tư duy và thái độ của GgV và SV đối với CNS mới là rất quan trọng. Các trường cần khuyến khích và tạo điều kiện cho việc thử nghiệm và áp dụng CNS mới, cũng như tạo ra một môi trường học tập cởi mở và sáng tạo; (4) *Chiến lược cải thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao kỹ năng CNS, và thay đổi văn hóa tổ chức*: Các chiến lược này cần được thực hiện đồng bộ và liên tục để đảm bảo sự thành công trong việc ứng dụng CNS. Các trường cần có kế hoạch dài hạn và sự hỗ trợ từ các cơ quan quản lý giáo dục, các doanh nghiệp CNS và các tổ chức tài trợ.

Có thể thấy, việc ứng dụng CNS trong đào tạo ngành Du lịch mang lại nhiều cơ hội lớn, nhưng cũng đối mặt với không ít thách thức. Để tận dụng tối đa các cơ hội và khắc phục các thách thức này, các trường đại học đào tạo ngành Du lịch cần có các giải pháp toàn diện và chiến lược dài hạn. Những giải pháp này không chỉ giúp nâng cao chất lượng giáo dục mà còn đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của ngành du lịch hiện đại.

3. Kết luận

Bài báo đã xác định các thách thức và cơ hội quan trọng trong việc ứng dụng CNS vào đào tạo ngành Du lịch tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Các thách thức chính bao gồm hạn chế về cơ sở hạ tầng CNS, thiếu kỹ năng sử dụng CNS của GgV và SV và các rào cản văn hóa trong việc chấp nhận và áp dụng CNS mới. Những yếu tố này gây cản trở lớn cho việc triển khai hiệu quả CNS trong giáo dục du lịch. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra nhiều cơ hội đáng kể như: nâng cao trải nghiệm học tập của SV thông qua các công cụ trực tuyến, VR, AI; tăng cường khả năng tiếp cận và tính linh hoạt trong học tập; mở rộng phạm vi đào tạo và thu hút SV quốc tế. Những cơ hội này thể hiện tiềm năng lớn của CNS trong việc cải thiện chất lượng đào tạo giáo dục du lịch.

Lời cảm ơn: Tác giả cảm ơn sự tài trợ của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành trong khuôn khổ Hội thảo khoa học quốc gia về “Đổi mới sáng tạo trên hệ sinh thái giáo dục số lần thứ 3”.

Tài liệu tham khảo

- Bond, M., Marín, V. I., Dolch, C., Bedenlier, S., & Zawacki-Richter, O. (2020). Emergency remote teaching in higher education: Mapping the first global online semester. *International Journal of Educational Technology in Higher Education*, 17(1), 29. <https://doi.org/10.1186/s41239-020-00234-x>
- Goyal, S., & Tambe, S. (2020). AI in education: A systematic review. *International Journal of Educational Technology in Higher Education*, 17(1), 1-12. <https://doi.org/10.1186/s41239-020-00218-x>
- Huang, Y.-M., Wu, T.-T., & Chen, N.-S. (2020). The effectiveness of using procedural scaffolding in a mobile synchronous learning environment. *Educational Technology Research and Development*, 68(3), 1467-1495. <https://doi.org/10.1007/s11423-020-09764-0>
- Nguyen, T. M. (2020). Barriers to the adoption of E-learning in Vietnam: A comparison with the obstacles found in other countries. *Journal of eLearning and Knowledge Society*, 16(1), 9-20. <https://doi.org/10.20368/1971-8829/1135188>
- Radiani, J., Majchrzak, T. A., Fromm, J., & Wohlgenannt, I. (2020). A systematic review of immersive virtual reality applications for higher education: Design elements, lessons learned, and research agenda. *Computers & Education*, 147, 103778. <https://doi.org/10.1016/j.compedu.2019.103778>
- Zawacki-Richter, O., Marín, V. I., Bond, M., & Gouverneur, F. (2019). Systematic review of research on artificial intelligence applications in higher education - Where are the educators?. *International Journal of Educational Technology in Higher Education*, 16(1), 1-27. <https://doi.org/10.1186/s41239-019-0171-0>